| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 177/2019/DS-ST
Ngày 25 tháng 12 năm 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Quang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Huỳnh Hưởng**

2. Bà **Lê Tuyết Mai**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Hoàng Thiên P**, sinh năm 1993 là Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Ông Nguyễn Hoàng Thiên P ủy quyền lại cho chị Danh Như N, sinh năm 1997 (có mặt). Trú tại: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1963 (có mặt), bà **Huỳnh Kim K**, sinh năm 1972 (vắng mặt). Cùng trú tại: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M, chị Danh Như N trình bày: Hộ kinh doanh Tân Quang M và bị đơn Trần Văn P, Huỳnh Kim K, có giao dịch mua bán thức ăn tôm. Nguyên đơn bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú và các loại thuốc thủy sản, theo số lượng đặt hàng của bị đơn Trần Văn P, để bị đơn nuôi tôm, đến cuối vụ thì bị đơn ông P, bà K thanh toán dứt điểm công nợ cho nguyên đơn. Trong quá trình giao dịch, phía bị đơn không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho nguyên đơn. Theo giấy xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ký ngày 13/3/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn 56.300.000 đồng. Nguyên đơn, đã liên hệ nhiều lần để yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn trốn tránh và không thanh toán đúng cam kết đã ký ngày 13/3/2019. Tiền lãi tính đến ngày 24/9/2019, đến ngày 09/10/2019 là 239.000 đồng

(57.800.000 đồng x 0,83% x 15 ngày = 239.000 đồng). Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 58.039.000 đồng.

Đối với bị đơn: Trần Văn P, Huỳnh Kim K: Khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, bị đơn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 56.300.000 đồng, khoản tiền lãi 239.000 đồng không yêu cầu bị đơn trả; bị đơn ông Trần Văn P vẫn không đồng ý tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền trên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Bị đơn Huỳnh Kim K, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K theo quy định của pháp luật.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn xác định là Hộ kinh doanh Tân Quang M đã thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú và các loại thuốc thủy sản với vợ chồng ông Trần Văn P, bà Huỳnh Kim K. Vào ngày 13/3/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn đối chiếu, tổng số tiền vợ chồng bị đơn còn nợ là 62.300.000 đồng. Ông P có viết bản cam kết và hứa đến ngày 15/7/2019, sau khi thu hoạch vụ nuôi tôm sẽ trả toàn bộ số tiền còn nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp bản cam kết ngày 13/3/2019 có nội dung đúng như nguyên đơn trình bày. Bản cam kết có chữ ký, ghi họ và tên của ông Trần Văn P. Tại phiên tòa, ông P có mặt thừa nhận chữ ký chữ viết tại bản cam kết ngày 13/3/2019 là của ông; về nội dung cam kết thì đúng như nguyên đơn trình bày. Mặc khác, nguyên đơn đã liên hệ nhiều lần, để yêu cầu bị đơn thanh toán nợ; nhưng bị đơn vẫn không thực hiện như đã cam kết tại bản cam kết ngày 13/3/2019. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối về nội dung khởi kiện và chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, ông P cho rằng ông không trực tiếp ký hợp đồng với nguyên đơn, nhưng thực tế ông P có giao dịch mua bán với nguyên đơn và thừa nhận có nợ tiền mua bán thức ăn tôm của nguyên đơn. Từ đó, có đủ cơ sở xác định, ông P và bà K có nợ nguyên đơn số tiền trên bản cam kết lập ngày 13/3/2019. Do, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã ký kết trong cam kết nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đối trừ khoản tiền 6.000.000 đồng mà bị đơn đã thanh toán, còn lại 56.300.000 đồng buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Về yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 56.300.000 đồng, không yêu cầu trả khoản tiền lãi 239.000 đồng. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 2.815.000 đồng (56.300.000 đồng x 5% = 2.815.000 đồng); Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng: Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thiên P (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M). Buộc bị đơn ông Trần Văn P, bà Huỳnh Kim K trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thiên P (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M) số tiền 56.300.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Văn P, bà Huỳnh Kim K phải nộp 5% (án phí dân sự có giá ngạch) với số tiền 2.815.000 đồng (chưa nộp). Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thiên P (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M) được nhận lại số tiền 1.451.000 đồng theo biên lai thu số 0002784 ngày 18/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thiên P (Người đại diện cho Hộ kinh doanh Tân Quang M); bị đơn ông Trần Văn P được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Huỳnh Kim K được quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Lâm Thành Quang**